

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 01- 11 – 2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Trường.

Ông Lê Xuân Nghiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Đăng L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

**- Bị đơn:** Chị Đỗ Thị T; sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2019, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Đăng L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị T kết hôn năm 2005, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu yêu thương trong một thời gian ngắn, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ ngày 15/5/2012 đến nay anh và chị T đã sống ly thân với nhau, chị T chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T nữa, anh xin được ly hôn với chị.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh L và chị T có 02 con chung là Trần Đăng H, sinh ngày 18/8/2005 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2009. Hiện hai con đang ở cùng với anh, khi ly hôn anh L xin được nuôi hai con, không yêu cầu chị Đỗ Thị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đỗ Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ tố tụng của đương sự và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Trần Đăng L, cho anh L được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Căn cứ Điều 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung là Trần Đăng H, sinh ngày 18/8/2005 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2009 cho anh Trần Đăng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đỗ Thị T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung là muốn được ở cùng với bố.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Trần Đăng L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Đỗ Thị T có địa chỉ tại Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã triệu tập hợp lệ chị Đỗ Thị T nhưng chị T cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, giao văn bản cho người thân thích cũng như đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Việc vắng mặt của chị T không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005 anh Trần Đăng L và chị Đỗ Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Cuộc sống chung của anh L và chị T hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ năm 2012 đến nay anh L và chị T đã sống ly thân với nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho anh L được ly hôn với chị T để giải phóng cho cả hai bên. Vì vậy Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Đăng L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh L và chị T có 02 con chung là Trần Đăng H, sinh ngày 18/8/2005 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2009. Hiện hai con đang ở cùng với anh Trần Đăng L, khi ly hôn anh L xin được nuôi hai con, không yêu cầu chị Đỗ Thị T phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa xét thấy từ khi anh L và chị T ly thân cho đến nay anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Đăng H, sinh ngày 18/8/2005 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2009, anh L vẫn đảm bảo các điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt đối với các con. Hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2019, khi Tòa án tiến hành lấy lời khai của hai cháu Trần Đăng H và Trần Thị Cẩm L, các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố là anh Trần Đăng L do anh L có đủ điều

kiện để chăm sóc cháu và từ khi vợ chồng anh chị ly thân đến nay anh L là người trực tiếp chăm sóc cho hai con. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trần Đăng H, sinh ngày 18/8/2005 và Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2009. Chị T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom các con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng).

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Đăng L
- Xử cho nguyên đơn anh Trần Đăng L được ly hôn với bị đơn chị Đỗ Thị T.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Đăng H, sinh ngày 18/8/2005 và cháu Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2009 cho anh Trần Đăng L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Đỗ Thị T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.
3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Anh Trần Đăng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh L đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án

số: AA/2016/0000024, ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Đăng L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Tuyết**